

Bản án số: **07/2018/DS-ST**

Ngày: 26 tháng 02 năm 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Thanh Thủy***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Trịnh Văn Bạo

*- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** – Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Phạm Ái Linh** - Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 08 năm 2017 về việc tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn A** – Sinh năm 1965.*

Địa chỉ: số 178 đường Bắc S, tổ 52, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Qu** – Sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 69 Ngô Gia T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền ngày 23.6.2017).
(có mặt)*

*- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc C** - sinh năm 1962;*

Địa chỉ: lô 19/173 Nguyễn Lương B, quận L, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Hữu Phương Ng** – sinh năm 1970.*

*Địa chỉ: số 178 đường Bắc S, tổ 52, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.
(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Qu trình bày:**

- Ngày 18/11/2011 ông Trần Văn A có cho ông Trần Ngọc C mượn số tiền 200.000.000 đồng khi vay mượn hai bên thống nhất khi nào lấy tiền thì thông báo trước 10 ngày. Tuy nhiên khi cần tiền ông Trần Văn A yêu cầu thì ông C không chịu trả.

- Ngày 16/8/2012 ông Trần Ngọc C mượn tiếp số tiền 400.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tiền lãi thanh toán vào ngày 16 dương lịch hàng tháng. Tuy nhiên, khi ông A yêu cầu ông C trả thì ông C không chịu trả, còn trốn tránh.

- Ngày 23/01/2013 ông Trần Ngọc C mượn tiếp số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ông A yêu cầu ông C trả thì ông C không chịu trả, còn trốn tránh.

- Ngày 25/9/2013 ông Trần Ngọc C mượn tiếp số tiền 100.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, thời hạn trả 3 tháng. Tuy nhiên, đến nay ông A nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông C trả không chịu trả, còn cố tình trốn tránh.

Ngoài ra, ông Trần Ngọc C còn vay thêm số tiền 70.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ gì.

Tổng số tiền ông Trần Ngọc C mượn của ông Trần Văn A là 970.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay ông C không đồng ý mượn số tiền 70.000.000 đồng. Do vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc C phải trả cho ông Trần Văn A số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Đối với ý kiến của ông C về việc ông đã trả cho ông A số tiền nợ lãi tổng cộng 1.159.000.000 đồng, nguyên đơn không đồng ý vì khi vay mượn có một số khoản vay có thỏa thuận lãi suất nhưng ông C không thanh toán cho ông A khoản tiền lãi nào hết.

*** Bị đơn ông Trần Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tham gia tố tụng, ông C trình bày:**

Tôi xác nhận tôi có mượn tiền nhiều lần của ông Trần Văn A với tổng số tiền là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) được thể hiện qua các giấy mượn tiền do tôi tự viết và ký tên vào các giấy cụ thể:

- Ngày 18/11/2011 mượn số tiền 200.000.000 đồng, trong giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế tôi có thanh toán lãi suất 1%/tháng từ ngày 18/11/2011 đến 16/8/2016 là 57 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 114.000.000 đồng.

- Ngày 16/8/2012 mượn tiếp số tiền 400.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tiền lãi thanh toán vào ngày 16 dương lịch hàng tháng thì tôi trả lãi từ ngày 16/8/2012 đến ngày 16/8/2016 là 48 tháng x 12.000.000 đồng/tháng = 576.000.000 đồng.

- Ngày 23/01/2013 mượn tiếp số tiền 200.000.000 đồng trong giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế tôi có thanh toán lãi suất 3%/tháng từ ngày 23/01/2013 đến ngày 16/8/2016 là 42 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 252.000.000 đồng.

- Ngày 25/9/2013 mượn tiếp số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, thời hạn trả 3 tháng, tôi đã lãi từ ngày 25/9/2013 đến 16/8/2016 là 36 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 216.000.000 đồng.

Tổng cộng tôi đã trả lãi cho ông Trần Văn A là 1.159.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu đồng). Do vậy, tôi đề nghị ông Trần Văn A tính lại các khoản tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng theo từng thời điểm mượn tiền thể hiện các giấy mượn tiền tôi đã ký tên, phần còn lại đề nghị ông A khấu trừ vào số tiền nợ gốc của tôi. Số tiền còn nợ lại tôi sẽ tiếp tục thanh toán theo phương thức trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Việc ông A cho rằng khi ông A yêu cầu tôi thanh toán nợ tôi trốn tránh là không đúng mà lý do tôi không thanh toán cho ông A số nợ nói trên là do điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi chưa thanh toán được.

Các lần chuyển tiền lãi cho ông A tôi đều chuyển khoản qua Ngân hàng nên hiện nay tôi chưa cung cấp được chứng cứ cho Tòa án, tôi cam đoan sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng tôi không biết nên không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Hữu Phương Ng trình bày:

Do có quan hệ ruột thịt, chồng tôi là ông Trần Văn A có cho cháu là ông Trần Ngọc C vay nhiều lần tiền với tổng số tiền là 970.000.000 đồng, trong đó có khoản vay 70.000.000 đồng là vay miệng không có giấy tờ nên ông C không thừa nhận. Tôi hoàn toàn không có liên quan đến chuyện vay mượn tiền của chồng tôi và ông C.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều

thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thái độ tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Trần Ngọc C đã có ý kiến trình bày nhưng không tham gia phiên hòa giải vào ngày 03.08.2017, không tham gia phiên đối chất vào các ngày 27.11.2017 và ngày 22.12.2017, tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn A là phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 đề nghị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu chấp nhận buộc ông Trần Ngọc C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn A số tiền 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) và Căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Trần Văn A và bị đơn ông Trần Ngọc C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208; 209; 210; 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Trần Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A đối với ông Trần Ngọc C thì thấy:

Nguyên đơn là ông Trần Văn A cung cấp cho Tòa án các chứng cứ là: 01 giấy mượn tiền ngày 18/11/2011 có nội dung ông Trần Văn A có cho ông Trần

Ngọc C mượn số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*); 01 giấy mượn tiền ngày 16/8/2012 có nội dung ông Trần Ngọc C có mượn ông Trần Văn A số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) với lãi suất 3%/tháng, cũng trong giấy này còn có nội dung ngày 23/01/2013 ông Trần Văn A có cho ông Trần Ngọc C mượn thêm số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*)- tổng hai lần là 600.000.000 triệu đồng (*sáu trăm triệu đồng*); 01 giấy mượn tiền ngày 25/9/2013 có nội dung ông Trần Văn A có cho ông Trần Ngọc C mượn số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), lãi suất 6%/tháng. Bị đơn là ông Trần Ngọc C thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn là ông Trần Văn A cung cấp, thống nhất các giấy mượn tiền nêu trên đều là do chính ông C viết, ký tên. Như vậy, việc ông Trần Ngọc C có vay ông Trần Văn A 04 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*) là có thật. Tuy nhiên, ông Trần Ngọc C cho rằng đã trả lãi cho ông Trần Văn A số tiền 114.000.000 đồng (*một trăm mười bốn triệu đồng*) đối với khoản vay ngày 18/11/2011; trả lãi 576.000.000 đồng (*năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) đối với khoản vay ngày 16/8/2012; trả lãi 252.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi hai triệu đồng*) đối với khoản vay ngày 23/01/2013; trả lãi 216.000.000 đồng (*hai trăm mười sáu triệu đồng*) đối với khoản vay ngày 25/9/2013. Tổng cộng ông C cho rằng đã trả cho ông Trần Văn A số tiền 1.159.000.000 đồng (*một tỷ một trăm năm mươi chín triệu đồng*). Số tiền này đã vượt quá số tiền gốc mà ông nợ, nên ông không đồng ý trả theo đơn khởi kiện mà yêu cầu ông Trần Văn A tính lại các khoản tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng theo từng thời điểm mượn tiền thể hiện các giấy mượn tiền ông đã ký tên, phần còn lại đề nghị ông A khấu trừ vào số tiền nợ gốc. Số tiền còn nợ lại ông C sẽ tiếp tục thanh toán theo phương thức trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng ông A cho rằng ông C chưa thanh toán cho ông bất cứ khoản lãi nào và không đồng ý với phương án trả tiền của ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa ông Trần Văn A và ông Trần Ngọc C không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do ông Trần Ngọc C vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Văn A nên yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông C là có căn cứ, phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn A, buộc ông Trần Ngọc C phải trả cho ông Trần Văn A số tiền 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*).

Đối với việc ông C cho rằng đã trả cho ông Trần Văn A tổng cộng 1.159.000.000 đồng (*một tỷ một trăm năm mươi chín triệu đồng*) tiền lãi, các lần chuyển lãi cho ông C đều chuyển khoản qua ngân hàng và sẽ cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên cho đến nay, ông C cũng không cung cấp được tài liệu

chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn A không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Tại đơn khởi kiện, ông Trần Văn A yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Ngọc C trả các khoản tiền nợ tổng cộng là 970.000.000 đồng (*chín trăm bảy mươi triệu đồng*), trong đó có số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) không viết giấy vay tiền. Do ông C không thừa nhận nên tại phiên hòa giải ngày 17.10.2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với việc mượn số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*) này nên căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì: Ông Trần Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (100.000 đồng x 3%) = 39.000.000 đồng (*ba mươi chín triệu đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 471; 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A.

1. Tuyên xử: Buộc ông Trần Ngọc C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn A số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) mượn ngày 18/11/2011; số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) mượn ngày 16/8/2012; số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) mượn ngày 23/01/2013; số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) mượn ngày 25/9/2013. Tổng cộng là 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Ngọc C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Đình chỉ một phần đối với yêu cầu của ông Trần Văn A đề nghị buộc ông Trần Ngọc C trả số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: 39.000.000 đồng (*ba mươi chín triệu đồng*) ông Trần Ngọc C phải chịu.

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn A số tiền 20.550.000 đồng (*hai mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí DS-ST đã nộp theo biên lai thu số 0007217 ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án **26.02.2018**.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát ND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thủy